TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 924/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 10/9/2020
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Thiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Quý;

2. Ông Huỳnh Tiến Dũng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Trường Giang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa*:** Bà Trịnh Thị Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 1226/2019/TLST- HNGĐ ngày 06/12/2019 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 274/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 154/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Kim N, sinh năm: 1983

Địa chỉ thường trú: 1/3/2 đường K, khu phố 2, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đức C, sinh năm: 1975

Địa chỉ thường trú: 1/3/2 đường K, khu phố 2, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(đương sự Bà Nguyễn Kim N và ông Nguyễn Đức C đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

(1) Nguyên đơn Bà Nguyễn Kim N trình bày: Bà N và ông Nguyễn Đức C tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 1999, do hai bên tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, đến năm 2013 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận kết hôn số 58/2013, quyển số 01/2013 ngày 11 tháng 4 năm 2013. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và ngày càng nghiêm trọng. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là ông Nguyễn Đức C gia trưởng, không lo làm ăn xây dựng hạnh phúc gia đình mà thường xuyên tụ tập bạn bè ăn nhậu, sau đó đánh đập vợ con. Ngoài ra vợ chồng có nhiều quan điểm bất đồng thường xuyên cãi nhau, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Hai bên đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, đời sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Đức C để ổn định cuộc sống. Giữa bà N và ông Nguyễn Đức C có 02 người con chung tên Nguyễn Quốc T, sinh ngày 05/02/2002 (đã trưởng thành và đủ khả năng lao động) và Nguyễn Quốc B, sinh ngày 01/11/2013, hiện tại đang do ông Nguyễn Đức C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà N yêu cầu sau khi ly hôn giao con chung chưa thành niên cho ông C tiếp tục nuôi dưỡng bà N không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung bà N xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nghĩa vụ chung bà N xác định không có.

(2) Đối với bị đơn ông Nguyễn Đức C vắng mặt không có lý do khi được Tòa án triệu tập lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất. Tuy nhiên vào vào sáng ngày 10/9/2020, ông Nguyễn Đức C đến trụ sở Tòa án tự khai đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn, xác nhận có 02 người con chung tên Nguyễn Quốc T, sinh ngày 05/02/2002 (đã trưởng thành và đủ khả năng lao động) và Nguyễn Quốc B, sinh ngày 01/11/2013, hiện tại đang do ông Nguyễn Đức C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông C đồng ý sau khi ly hôn tiếp tục nuôi dưỡng con chưa thành niên và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung ông C xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung, ông C xác định không có. Ông Nguyễn Đức C có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt.

(3) Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn Bà Nguyễn Kim N, bị đơn ông Nguyễn Đức C đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vắng mặt tại phiên tòa.

(4) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Hai bên đơn đương sự đã có

đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã được phía bị đơn đồng ý, nên có căn cứ và hợp pháp, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Kim N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Đức C là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Nguyễn Đức C đang cư trú tại: 1/3/2 Quốc lộ 1K, khu phố 2, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Nguyên đơn Bà Nguyễn Kim N và bị đơn ông Nguyễn Đức C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 58/2013, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/4/2013, có cơ sở xác định giữa b.à Nguyễn Kim N và ông Nguyễn Đức C có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nhận thấy, hai bên cùng thừa nhận đời sống hôn nhân không được hạnh phúc như mong muốn, phát sinh nhiều mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Bị đơn ông Nguyễn Đức C đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà N. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa Bà Nguyễn Kim N và ông Nguyễn Đức C thuộc trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do vậy yêu cầu của bà Nguyễn Kim N được ly hôn với ông Nguyễn Đức C là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Căn cứ vào bản sao giấy khai sinh số 109/QH, quyển số 01/2002 đăng ký ngày 02/12/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Bình Lợi, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh và bản sao giấy khai sinh số 515/2013, quyển số 03/2013 đăng ký ngày 13/11/2013 tại Ủy ban nhân dân dân phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, cùng với sự thừa nhận của các bên đương sự. Có sơ sở xác định Bà Nguyễn Kim Nvà ông Nguyễn Đức C có hai người con chung tên Nguyễn Quốc T, sinh ngày 05/02/2002 hiện đã trưởng thành và đủ khả năng lao động, nên Hội đồng xét xử không xem xét; Và con chung tên Nguyễn Quốc B, sinh ngày 01/11/2013 hiện tại đang do ông Nguyễn Đức C trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, bà N yêu cầu sau khi ly hôn giao

con chung chưa thành niên (tên Nguyễn Quốc B) cho ông C tiếp tục nuôi dưỡng, yêu cầu này đã được bị đơn ông Nguyễn Đức C đồng ý, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do vậy, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Kim N và ông Nguyễn Đức C cùng xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nghĩa vụ chung: Hội đồng xét xử ghi nhận về việc bà Nguyễn Kim N và ông Nguyễn Đức C cùng xác định không có nợ chung.

[4] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Kim N phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 54, Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Kim N được ly hôn với ông Nguyễn Đức C.

- *Về con chung*: Bà Nguyễn Kim N và ông Nguyễn Đức C có hai người con chung tên Nguyễn Quốc T, sinh ngày 05/02/2002 (đã trưởng thành và đủ khả năng lao động) và Nguyễn Quốc B, sinh ngày 01/11/2013. Giao con chung tên Nguyễn Quốc B, sinh ngày 01/11/2013 cho ông Nguyễn Đức C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án để thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Đức C về việc không yêu cầu bà Nguyễn Kim N cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Bà Nguyễn Kim N và ông Nguyễn Đức C cùng xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nghĩa vụ chung:* Bà Nguyễn Kim N và ông Nguyễn Đức C cùng xác định không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng buộc bà Nguyễn Kim N phải nộp theo quy định, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0056212 ngày 06/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Bà Nguyễn Kim N đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Văn Thiên